

Chương 1 TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1. Lý do chính của một cuộc kiểm toán BCTC là:
 - a. Phát hiện ra các sai sót và gian lận trên BCTC.
 - b. Nhằm đáp ứng yêu cầu của luật pháp.
 - c. **Cung cấp cho người sử dụng một** sự đảm bảo hợp lý về tính trung thực và hợp lý của BCTC.
 - d. Làm giảm trách nhiệm của nhà quản lý đối với BCTC.
2. Doanh nghiệp cần kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC là vì:
 - a. Ban Giám đốc có thể gian lận và thông thường các kiểm toán viên độc lập sẽ phát hiện các gian lận này.
 - b. Thường có sự mâu thuẫn về lợi ích giữa công ty soạn thảo BCTC với người sử dụng BCTC.
 - c. Vì có thể có sai sót ở số dư các tài khoản mà sẽ được các kiểm toán viên độc lập điều chỉnh.
 - d. Vì hệ thống KSNB thường không đáng tin cậy
3. Các BCTC đã được kiểm toán sẽ đảm bảo:
 - a. Thông tin trên các BCTC là chính xác.
 - b. Không có gian lận trong các BCTC.
 - c. Đơn vị đã được quản lý tốt.
 - d. Làm tăng thêm sự tin cậy của các BCTC.
4. Mục đích chính của kiểm toán hoạt động là:
 - a. Cung cấp sự đảm bảo rằng hệ thống KSNB hoạt động đúng như thiết kế.
 - b. Nhằm giúp đỡ kiểm toán viên độc lập trong việc kiểm toán BCTC.
 - c. Nhằm cung cấp kết quả kiểm tra nội bộ về các vấn đề kế toán và tài chính cho các nhà quản lý cấp cao của công ty.
 - d. **Cung cấp sự đánh giá về hoạt động của một tổ chức trong việc đáp ứng mục tiêu của tổ chức đó.**
5. Một KH yêu cầu kiểm toán các báo cáo thuế giá trị gia tăng hàng tháng của họ, đây là yêu cầu về:
 - a. Kiểm toán BCTC.
 - b. Kiểm toán tuân thủ.
 - c. Kiểm toán hoạt động.
 - d. Kiểm toán Nhà nước
6. Ai là người chịu trách nhiệm chính đối với tính trung thực của BCTC của một ngân hàng?
 - a. Trưởng phòng kiểm toán nội bộ
 - b. Ban giám đốc ngân hàng
 - c. Kế toán trưởng
 - d. Kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC này
7. Các thí dụ nào sau đây không phải là kiểm toán tuân thủ?
 - a. Kiểm toán các chi nhánh ngân hàng về việc thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay
 - b. Kiểm toán của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp
 - c. Kiểm toán doanh nghiệp theo yêu cầu của ngân hàng về việc chấp hành các điều khoản của hợp đồng tín dụng
 - d. Kiểm toán một dự án xóa đói giảm nghèo về tính hiệu quả của nó.
8. Một cuộc kiểm toán được dành cho việc phát hiện những vi phạm các điều luật và quy định được xem như là:
 - a. Kiểm toán BCTC
 - b. Kiểm toán tuân thủ

- c. Kiểm toán thực hiện
 - d. Kiểm toán hoạt động
9. Ý nghĩa quan trọng nhất mà hoạt động kiểm toán mang lại cho xã hội là:
- a. Tăng thêm niềm tin của các nhà đầu tư vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế
 - b. Giúp các doanh nghiệp dễ dàng gọi vốn từ các nhà đầu tư.
 - c. Hạn chế rủi ro kinh doanh cho khách hàng được kiểm toán
 - d. Hạn chế rủi ro thông tin cho nhiều đối tượng
10. GD yêu cầu KTV nội bộ kiểm toán một chi nhánh mới về hiệu quả hoạt động của nó là ví dụ về:
- a. Kiểm toán hoạt động
 - b. Kiểm toán tuân thủ
 - c. Kiểm toán BCTC
 - d. Kiểm toán độc lập

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH

1. Việc một công ty nhỏ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập sẽ luôn luôn đưa đến một sự bảo đảm tuyệt đối về tính chính xác của báo cáo tài chính.
2. Kiểm toán viên nội bộ trong các ngân hàng chỉ thực hiện kiểm toán hoạt động thay vì thực hiện cả kiểm toán tuân thủ và kiểm toán BCTC.
3. Nếu bộ phận kiểm toán nội bộ trong ngân hàng làm việc hiệu quả, có khả năng các ngân hàng thương mại sẽ không cần thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC nữa.
4. Quyền lợi của người cung cấp những thông tin tài chính cũng như những người sử dụng các thông tin đó là như nhau và các quyền lợi chung này là đòi hỏi cho việc kiểm toán độc lập hàng năm.
5. Nếu các công ty kiểm toán độc lập hoạt động mạnh sẽ thực hiện việc kiểm toán tất cả các đơn vị trong nền kinh tế, không cần kiểm toán nhà nước.
6. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính sẽ làm giảm nhẹ trách nhiệm của giám đốc hoặc người đứng đầu đơn vị được kiểm toán.

Chương 2 MÔI TRƯỜNG KIỂM TOÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1. Chất lượng dịch vụ kiểm toán được đánh giá bởi:
 - a. Hiệp hội kiểm toán
 - b. Quá trình thực hiện kiểm tra chéo giữa các công ty kiểm toán với nhau
 - c. Những nhà đầu tư.
 - d. Đối tượng sử dụng thông tin BCTC được kiểm toán
2. Các nguyên tắc kiểm toán có một yêu cầu sau:
 - a. KTV thực hiện kiểm toán với sự thận trọng nghề nghiệp đúng mức
 - b. KTV có hiểu biết về kiểm soát nội bộ
 - c. Các báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với những nguyên tắc kế toán thông thường
 - d. KTV duy trì sự độc lập
3. Sản phẩm dịch vụ kiểm toán là loại sản phẩm:
 - a. Đòi hỏi người sử dụng có kiến thức kinh tế nhất định.
 - b. Giá trị càng tăng lên khi càng có nhiều người sử dụng.
 - c. Không bị tiêu hao trong quá trình sử dụng
 - d. Tất cả đều đúng
4. Phát biểu nào sau đây về Chuẩn mực kiểm toán là hợp lý nhất:
 - a. Chuẩn mực kiểm toán là những điều kiện tiên đề để Công ty kiểm toán có thể ký hợp đồng kiểm toán với khách hàng.
 - b. Chuẩn mực kiểm toán là văn bản hướng dẫn hành nghề chung cho các kế toán viên.
 - c. Chuẩn mực kiểm toán là cơ sở giúp cho kiểm toán viên tránh được rủi ro nghề nghiệp nếu làm đúng theo hướng dẫn
 - d. Tất cả đều không hợp lý
5. Kiểm toán viên phải chịu trách nhiệm pháp lý trước khách hàng vì:
 - a. Những sai sót thông thường hoặc sai sót nghiêm trọng mà KTV gây nên
 - b. Không tìm ra được những gian lận trên BCTC
 - c. Không thể đưa ra ý kiến về BCTC
 - d. Thiếu sự thận trọng trong công việc
6. Sau khi kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán cho công ty Y, công ty kiểm toán X được Cty Y mời kiểm toán BCTC năm đó. Công ty X sẽ:
 - a. Chấp nhận hợp đồng vì khách hàng quen biết
 - b. Không chấp nhận hợp đồng vì vi phạm tính độc lập
 - c. Chấp nhận hợp đồng hay không còn tùy vào phí kiểm toán
 - d. Tất cả đều sai
7. Công ty X khai khống giá trị hàng tồn kho để vay ngân hàng. KTV không phát hiện ra sự gian lận này nên đưa ra ý kiến không hợp lý. Ý kiến nào luôn đúng:
 - a. KTV phải chịu trách nhiệm
 - b. Ban quản trị của công ty X phải chịu trách nhiệm
 - c. Cả ban quản trị của công ty X và KTV đều phải chịu trách nhiệm
 - d. KTV không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào
8. Những người chịu trách nhiệm ký tên trên báo cáo kiểm toán là:
 - a. Chủ phần hùn
 - b. KTV chính phụ trách cuộc kiểm toán
 - c. Bất kỳ KTV nào có tham gia cuộc kiểm toán
 - d. Chủ phần hùn và KTV chính phụ trách cuộc kiểm toán

9. Việc một kiểm toán viên đưa ra một báo cáo kiểm toán không có một hạn chế nào về độ tin cậy cho các BCTC mà anh (cô) ta biết là nó sẽ đưa đến hiểu lầm, hiểu sai, kiểm toán viên ấy:
- Sẽ chịu trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự.
 - Sẽ chịu trách nhiệm dân sự.
 - Sẽ không phải chịu trách nhiệm nếu các công ty khách hàng cũng nhận biết rằng các BCTC là không đáng tin cậy.
 - Sẽ không phải chịu trách nhiệm nếu anh ta không thực hiện các phương pháp kiểm toán rơi vào những phần báo cáo gây hiểu lầm.
10. Tiêu chuẩn nào sau đây là cần thiết để hoạt động trong nghề kiểm toán
- Tự trau dồi, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ.
 - Độc lập.
 - Có kiến thức tổng quát.
 - Quen thuộc với một khối lượng kiến thức chuyên môn phức tạp.

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH

- Kiểm toán viên ở tất cả các quốc gia đều thực hiện kiểm toán theo một chuẩn mực chung là chuẩn mực kiểm toán quốc tế.
- Kiểm toán viên độc lập sẽ vi phạm tính bảo mật nếu cung cấp thông tin cho cơ quan thuế trong quá trình điều tra của cơ quan này.
- Điều cần nhất đối với một kiểm toán viên là tính độc lập vì vậy kiểm toán viên phải duy trì tính độc lập của mình đối với mọi dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Kiểm toán viên không bao giờ phải chịu trách nhiệm pháp lý cho những thiệt hại do không tìm ra được sự gian lận.
- Một kiểm toán viên có thể có lợi ích tài chính trực tiếp liên quan đến khách hàng của mình miễn là khoản đầu tư không đáng kể so với tài sản ròng của anh ta.
- Thực hiện các công việc được giao với thái độ phân biệt đối xử được xem như là vi phạm nguyên tắc tư cách nghề nghiệp
- Một KTV không được cho là độc lập với công ty khách hàng đang kiểm toán (kinh doanh hàng điện máy) nếu cha của anh ta mua hàng của công ty đó.
- Công ty kiểm toán phải chịu trách nhiệm pháp lý trước khách hàng nếu kiểm toán viên của mình tiết lộ thông tin của khách hàng cho đối thủ cạnh tranh của khách hàng.
- Kiểm toán viên độc lập không phải chịu trách nhiệm pháp lý trước khách hàng nếu không phát hiện ra những gian lận về thuế vì thuế do cơ quan thuế kiểm tra.
- Tính độc lập không cần thiết phải có đối với việc thực hiện kiểm toán hoạt động.
- Nếu vợ (chồng) của một kiểm toán viên đang có một khoản vay lớn tại ngân hàng thì KTV đó không độc lập với ngân hàng đó khi kiểm toán.
- Việc KTV có đưa ra một nhận xét về BCTC của công ty khách hàng khách quan hay không hoàn toàn tùy thuộc vào thái độ của Ban lãnh đạo công ty khách hàng.
- Công ty kiểm toán được phép đòi hỏi khách hàng làm theo tất cả các yêu cầu của mình khi cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng.

II. BÀI TẬP - TÌNH HUỐNG

1. Cho các dữ kiện sau , hãy chỉ ra khi nào một kiểm toán viên công chứng là có “tính độc lập” trong quan hệ với khách hàng bằng cách khoanh vòng vào các chữ ‘Đúng’ hay ‘Sai’ bên cạnh.

	Tính độc lập	
a. Con của một kiểm toán viên độc lập có lợi ích tài chính với công ty khách hàng mà anh ta đang kiểm toán.	Đúng	Sai
b. Chồng (vợ) của kiểm toán viên độc lập có lợi ích tài chính đáng kể với công ty khách hàng mà anh ta đang kiểm toán.	Đúng	Sai
c. Anh em trai của kiểm toán viên độc lập là người quản lý công ty khách hàng nơi anh ta thực hiện kiểm toán.	Đúng	Sai

d. Cha của kiểm toán viên độc lập là một thương gia làm ăn với công ty khách hàng.	Đúng	Sai
e. Mẹ của kiểm toán viên độc lập có lợi ích đang vay tại ngân hàng mà anh ta đang kiểm toán.	Đúng	Sai

2. Khi tiến hành kiểm toán BCTC cho công ty Thiên Bình, kiểm toán viên Nam đã gặp các tình huống sau:

- Hai tháng trước ngày kết thúc niên độ, nhân viên kế toán tổng hợp của công ty Thiên Bình đã nghỉ việc và cho đến ngày lập BCTC, công ty vẫn chưa tìm được người thay thế. Do đó, những nghiệp vụ phát sinh của công ty Thiên Bình trong hai tháng cuối niên độ chưa được ghi vào sổ sách. Vì Nam đã kiểm toán BCTC năm trước cho công ty, nên Thiên Bình đã nhờ kiểm toán viên Nam lập BCTC và sau đó tiến hành kiểm toán BCTC cho năm hiện hành.
- Khi được biết Nam phụ trách hợp đồng kiểm toán cho công ty Thiên Bình, Ngọc – một chuyên viên kinh tế đang thực hiện một công trình nghiên cứu với đề tài “các nghiệp vụ tài chính của công ty cổ phần” đã đề nghị Nam cung cấp thông tin hoặc cho nhận xét về những hoạt động tài chính của công ty Thiên Bình, Ngọc hứa sẽ bảo mật các thông tin mà Nam cung cấp.
- Sau khi kiểm kê hàng tồn kho cuối năm của công ty Thiên Bình, người quản lý phân xưởng đã tặng kiểm toán viên Nam cần câu cá do Thiên Bình sản xuất.

Yêu cầu: Trong từng tình huống trên, bạn hãy cho biết nếu nhận lời thì kiểm toán viên Nam có vi phạm đạo đức nghề nghiệp không? Giải thích.

3. Hãy cho biết trong các tình huống dưới đây kiểm toán viên đã làm theo hoặc vi phạm tiêu chuẩn nghề nghiệp nào?

- Kiểm toán viên đã cung cấp thông tin của công ty khách hàng được kiểm toán cho một người bạn thân
- Giám đốc công ty khách hàng yêu cầu kiểm toán viên thay đổi ý kiến nhận xét trên báo cáo kiểm toán. Kiểm toán viên đã đồng ý mà không có bất kỳ một sự tranh luận nào dù rằng cơ sở của ý kiến đó là không thích hợp.....
- Nghi ngờ có sai phạm chế độ kế toán dẫn đến sai lệch số liệu khoản phải thu kiểm toán viên đã tiến hành kiểm tra toàn bộ số liệu, chứng từ có liên quan thay vì thực hiện kiểm tra chọn mẫu.....
- Do mâu thuẫn với một người quen cũ đang làm kế toán tại công ty khách hàng được kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra nhận xét không đúng về phần việc mà người quen anh ta phụ trách trên báo cáo kiểm toán

Chương 3 HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

I. TRẮC NGHIỆM

- HTKSNB là một quy trình chầu ảnh hưởng bên HNTQT và ban lãnh đạo. Nhiều nội dung khác nhau:
 - HNTQT và ban lãnh đạo trực tiếp kiểm tra mỗi nghiệp vụ phát sinh
 - Các thủ tục kiểm soát nội bộ HNTQT và ban lãnh đạo lựa chọn và trực tiếp thực hiện
 - Các thủ tục kiểm soát nội bộ lựa chọn và các nhà thầu cho thuê lao động thuê vào nhân công, thuê nhà của mỗi HNTQT và ban lãnh đạo quyết định
 - Các thủ tục kiểm soát nội bộ lựa chọn và các nhà thầu thuê vào phạm vi kinh doanh mà HNTQT và ban lãnh đạo quyết định.
- Khi thiết kế HTKSNB lãnh đạo nào cho dù nội dung này là không cần phải có kiểm soát:
 - Thuê tại sân là bất đồng sân nhà làm từ sân
 - Chi phí cho hoạt động xã hội có tính vào chi phí của ngân hàng
 - Sao in các tài liệu, văn bản pháp quy cho các bộ phận trong ngân hàng
 - Tất cả đều sai
- “Nguyên tắc bất kiêm nhiệm”:
 - Là một nguyên tắc luôn phải tuân thủ trong thiết kế HTKSNB.
 - Là nguyên tắc trong nội bộ nhân viên không nội bộ kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau
 - Là một trong các thủ tục kiểm soát nội bộ
 - Là nguyên tắc nhằm bảo vệ ngân sách mỗi gian lận của các nhân viên
- KTV thông tin sâu được lưu nội dung mô tả HTKSNB vì:
 - Thông pháp này để thực hiện
 - Lưu nội dung giúp thấy rõ sự liên quan chuyển động từ và tránh nhiệm của các bộ phận chức năng
 - Lưu nội dung để cho thấy các hoạt động kiểm soát nội bộ các nhà thầu
 - Câu b và c đúng
- HTKSNB có thể gặp các hạn chế vì:
 - Các biện pháp kiểm tra thông tin nhằm vào các sai phạm nào đó để kiến trúc chủ không phải các thông tin hợp ngoại lệ.
 - Nhân viên thiếu kiến thức, sai lệch hoặc hiểu sai các chế độ
 - Có sự thông tin của một số nhân viên
 - Tất cả những điểm trên
- HTKSNB nội bộ thiết lập nên:
 - Phức vụ cho bộ phận kiểm toán nội bộ
 - Thực hiện chế độ quản lý tại chính kế toán nhà nước
 - Thực hiện các mức tiêu của các nhà quản lý nội bộ
 - Giúp KTV nội bộ lập để kế hoạch kiểm toán
- Nguyên tắc mỗi lãnh đạo nên phải nội bộ kiểm soát không nội bộ tuân thủ khi:
 - Một thủ tục kiểm soát nội bộ không nội bộ thiết kế trong một số lãnh đạo hoạt động
 - Ban giám đốc không thiết kế nhiều thủ tục kiểm soát
 - Ban giám đốc không quan tâm nên rủi ro trong lãnh đạo sao in các tài liệu của ngân hàng
 - a và c

8. Trong quá trình xem xét hệ thống KSNB, kiểm toán viên không có nghĩa vụ phải:
- Tìm kiếm các thiếu sót quan trọng trong hoạt động của KSNB.
 - Hiểu biết về môi trường kiểm soát và hệ thống thông tin.
 - Tìm hiểu về các thủ tục kiểm soát của đơn vị
 - Thực hiện các thủ tục để tìm hiểu về thiết kế của KSNB.
9. Mục đích của việc phân chia trách nhiệm nhằm:
- Để các nhân viên kiểm soát lẫn nhau.
 - Nếu có sai sót xảy ra sẽ được phát hiện nhanh chóng.
 - Giảm cơ hội gây ra và che giấu sai phạm.
 - Tất cả các câu trên đều đúng.
10. Trong những phát biểu sau về kiểm soát nội bộ thì phát biểu nào là không hợp lý?
- Người giám sát, bảo quản tài sản không là người lưu giữ hồ sơ kế toán cho tài sản đó
 - Nghịệp vụ kinh tế phát sinh phải được xử lý trước khi trình cho ban lãnh đạo phê duyệt.
 - Các hoạt động kiểm soát không thể đảm bảo tuyệt đối rằng sự cân kết giữa các nhân viên không thể xảy ra.
 - Nghịệp vụ kinh tế phát sinh cần có chứng từ chứng minh hợp lệ
11. Công việc thủ quỹ và kế toán được phân công cho 2 người đảm nhận. Đây là hoạt động:
- Phân chia trách nhiệm thích hợp
 - Phê chuẩn đúng đắn
 - Kiểm tra độc lập
 - Kiểm soát vật chất
12. Nhận xét nào sau đây là hợp lý nhất về HTKSNB?
- HTKSNB có thể ngăn ngừa tất cả sai sót hoặc gian lận
 - HTKSNB được thiết lập nhằm giúp KTV lập kế hoạch tổng thể và chương trình kiểm toán thích hợp
 - KTV cần phải tìm kiếm tất cả các yếu kém trong HTKSNB
 - KTV tìm hiểu HTKSNB của khách hàng nhằm xác định phương hướng và nội dung các thủ tục kiểm toán
13. Một ngân hàng nhỏ có thể không cần thiết lập
- Chính sách nhân sự
 - Bộ phận kiểm toán nội bộ
 - Hệ thống KSNB
 - Tất cả đều sai
14. Hệ thống KSNB có thể gặp các hạn chế vì
- Các nhân viên của ngân hàng rất gắn bó với nhau
 - Vợ của giám đốc là một nhân viên trong ngân hàng
 - Có sự thay đổi thường xuyên về nhân sự của các bộ phận chủ chốt
 - Giám đốc doanh nghiệp thường phải đi công tác xa
15. Mục đích chủ yếu của kiểm toán viên khi xem xét về KSNB của đơn vị là:
- Để có thái độ độc lập đúng đắn đối với các vấn đề liên quan đến cuộc kiểm toán.
 - Đánh giá hoạt động quản lý của công ty khách hàng thuê kiểm toán.
 - Xây dựng các đề xuất với khách hàng để cải tiến KSNB.
 - Xác định nội dung, phạm vi và thời gian kiểm toán.

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH

1. Trong việc thiế hiển một cuộc kiểm toán, cuộc kiểm toán viên luôn chịu yú nếán nhữõng kiểm soát nũõic sũu dũing nhằm ngắn ngũõa hay phậùt hiếán cậùc sai lặch trong bậùo cậùo tậùi chớnh.

2. Thiếát lậùp vậù duy trì hếà thỏáng kiểm soát nộài bỗà lậù trậùch nhieẵm cậùu cậùc cộả nũõng cậùu cậùng tậ.

3. Việùc “ế́m” cậùc hóá đợn thu chi tiếén cộ thể điếén ra trong bậùt kỳ một doanh nghiếùp nậùo nhũng việùc nậùy cộ vế nhũ xậù ra nhieẵn nhất tậù cậùc DN nhỏ.

4. KSNB nội chung thườg khỏng hũu hiệù trong việùc ngắn ngũừa cậùc gian lậùn từ bậùn quậùn trị cậùp cậùo củ cậùng tậ.

5. Kiểm soát nội bộ nếén cung cậùp cho bậùn quậùn trị củ cậùng tậ nhữõng đặảm bậùo hợp lý để họ cộ thể đặùt đượ nhữõng mựùc tiếú quậùn lý

III BÀI TẬP - TÌNH HUỐNG

1. Nối cậùc thỏng tin ở cộùt A và B sậùo cho phù hợp

A. Hoạt động	B. Thủ tục kiểm soát
1. Séc đượ giữ trong kếùt và ai giữ chậùa khoá thì mới viếùt séc	a. Sự phê chuẩn
2. Ngườ viếùt séc là ngườ đã đượ kiểm tra về nhậùn thậùn	b. Tậùi liệùu và sộù sớch
3. Ngườ viếùt séc thậùn tậùn khắùc vớì ngườ dũyệùt thậùn tậùn và ngườ giữ sộù sớch	c. Hậùn chế tiếùp cậùn tậùi sậùn
4. Séc cậùn cộ chử ký củ giám đốùc khi gửi thậùn tậùn	d. Kiểm tra đợc lậùp
5. Cậùi séc phậùi g히려 nhậùn đặùy đủ thỏng tin củ mội tấùm séc khi phậùt hậùn hặùc hũỷ bỗ	e. Sự phậùn nhiệùm
6. Đợi chệùùc sộù tiếén trậùn sộù kếù tậùn tậùt đợn vậù vớì ngậùn hậùng	f. Chớnh sớch nhậùn sự

Chương 4 PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

I TRẮC NGHIỆM

1. KTV không phát hiện ra việc công ty X khai khống giá trị hàng tồn kho để vay ngân hàng. Đối với sự gian lận này thì:
 - a. KTV phải chịu trách nhiệm
 - b. Ban quản trị của công ty X phải chịu trách nhiệm
 - c. Cả ban quản trị của công ty X và KTV đều phải chịu trách nhiệm
 - d. KTV không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào
2. “Kiểm toán viên không kiểm toán được hết các mặt hàng của công ty do công ty đặt hàng gia công tại rất nhiều nơi sản xuất tư nhân”. Đây là một ví dụ về
 - a. Rủi ro tiềm tàng
 - b. Rủi ro kiểm soát
 - c. Rủi ro phát hiện
 - d. Cả 3 câu trên đều sai
3. Khi mức rủi ro phát hiện chấp nhận được giảm thì phải đảm bảo:
 - a. Thử nghiệm kiểm soát tăng lên
 - b. Thử nghiệm kiểm soát giảm xuống
 - c. Thử nghiệm cơ bản tăng lên
 - d. Thử nghiệm cơ bản giảm xuống
4. Khách hàng không phát hiện kịp thời việc nhân viên gian lận do không có sự phân công phân nhiệm hợp lý. Đây là loại rủi ro gì?
 - a. Rủi ro tiềm tàng
 - b. Rủi ro kiểm soát
 - c. Rủi ro phát hiện
 - d. Rủi ro kiểm toán
5. Rủi ro kiểm soát có thể bằng 0 nếu:
 - a. Hệ thống KSNB của đơn vị được thiết kế rất tốt
 - b. KTV kiểm tra 100% các nghiệp vụ
 - c. KTV tăng cường các thử nghiệm kiểm soát cần thiết
 - d. Tất cả các câu đều sai
6. Khi đánh giá sai sót nào là trọng yếu, ý kiến nào sau đây luôn luôn đúng:
 - a. Sai sót lớn hơn 100 triệu đồng là sai sót trọng yếu
 - b. Đánh giá sai sót trọng yếu tùy vào sự xét đoán mang tính nghề nghiệp của KTV
 - c. Sai sót lớn hơn 5% giá trị tổng tài sản là sai sót trọng yếu
 - d. Các sai sót về doanh thu là trọng yếu vì nó ảnh hưởng tới lợi nhuận
7. Trách nhiệm của KTV đối với các sai phạm ở đơn vị được giới hạn trong phạm vi các thủ tục kiểm toán cần thực thi, chứ KTV không chịu trách nhiệm trực tiếp về việc phát hiện và ngăn chặn các sai phạm ở đơn vị.
 - a. Nhận định này sai
 - b. Nhận định này đúng
 - c. Nhận định này chưa rõ ràng
 - d. Nhận định này chỉ đúng với kiểm toán viên nội bộ
8. Điều nào sau đây là thích hợp để cung cấp cho một kiểm toán viên sự đảm bảo nhiều nhất về sự hoạt động hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- a. Điều tra nhân sự của khách hàng.
 - b. Tính toán lại các số dư của tài khoản.
 - c. Quan sát các nhân viên của công ty khách hàng thực hiện việc kiểm soát.
 - d. Xác nhận với các bên nằm ngoài công ty.
9. Trong các loại rủi ro sau, rủi ro nào kiểm toán viên có thể kiểm soát được bằng các thử nghiệm cơ bản:
- a. Rủi ro tiềm tàng.
 - b. Rủi ro phát hiện.
 - c. Rủi ro kiểm soát.
 - d. Rủi ro kinh doanh
10. Lý do chính để kiểm toán viên thu thập bằng chứng kiểm toán là:
- a. Hình thành một nhận xét về báo cáo tài chính.
 - b. Phát hiện sai sót.
 - c. Đánh giá hệ thống quản lý.
 - d. Đánh giá việc kiểm soát rủi ro.
11. Kiểm tra vật chất cung cấp bằng chứng chắc chắn về:
- a. Quyền sở hữu của đơn vị đối với tài sản
 - b. Sự hiện hữu của tài sản
 - c. Sự trình bày và công bố giá trị tài sản
 - d. Sự đánh giá giá trị tài sản
12. Việc gửi thư xác nhận cho ngân hàng nhằm thỏa mãn các mục tiêu kiểm toán nào sau đây:
- a. Đánh giá và đầy đủ
 - b. Đánh giá và quyền
 - c. Quyền và hiện hữu
 - d. Hiện hữu và đầy đủ
13. Số lượng bằng chứng cần thu thập sẽ tăng lên khi:
- a. Rủi ro phát hiện tăng lên
 - b. Rủi ro phát hiện giảm xuống
 - c. Rủi ro kiểm soát tăng lên
 - d. Rủi ro kiểm soát giảm xuống
14. Vào cuối năm công ty ABC gửi thư đối chiếu xác nhận các hàng hoá đang gửi tại một công ty BCD nhằm đảm bảo cơ sở dẫn liệu nào dưới đây đối với khoản mục hàng tồn kho:
- a. Đầy đủ và chính xác.
 - b. Hiện hữu và phát sinh.
 - c. Đánh giá và chính xác.
 - d. Quyền và đầy đủ
15. Khi thu thập bằng chứng kiểm toán từ hai nguồn khác nhau, cho kết quả khác biệt trọng yếu, kiểm toán viên nên:
- a. Thu thập thêm bằng chứng thứ ba và kết luận theo nguyên tắc đa số thắng thiểu số.
 - b. Dựa trên bằng chứng có độ tin cậy cao hơn.
 - c. Tìm hiểu và giải thích nguyên nhân trước khi kết luận.
 - d. Cả ba câu trên đều đúng.
16. Trong các bằng chứng tài liệu sau đây, loại nào được kiểm toán viên cho là có độ tin cậy thấp nhất:
- a. Hóa đơn của người bán lưu giữ tại đơn vị.
 - b. Hóa đơn bán hàng của đơn vị.

- c. Các trao đổi với nhân viên đơn vị.
 - d. Xác nhận của ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên
17. Bằng chứng được gọi là đầy đủ khi :
- a. Xác thực.
 - b. Đủ để là nền tảng hợp lý để đưa ra nhận xét về báo cáo tài chính.
 - c. Có đủ các tính chất thích hợp, khách quan và không thiên lệch.
 - d. Được thu thập một cách ngẫu nhiên.
18. Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần nghĩa là:
- a. BCTC hoàn toàn không có sai sót
 - b. BCTC được trình bày trung thực
 - c. BCTC được trình bày chính xác
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng
19. KTV sẽ từ chối đưa ra ý kiến về BCTC trong trường hợp:
- a. KTV không độc lập
 - b. KTV không chứng kiến kiểm quỹ do hợp đồng kiểm toán được ký sau ngày kết thúc năm tài chính
 - c. KTV bất đồng ý kiến với ban giám đốc
 - d. Công ty khách hàng thay đổi chính sách kế toán mà không thuyết minh trong BCTC
20. KTV không thể chứng kiến kiểm kê nên đã tiến hành các thủ tục thay thế và đã thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp. Các khoản mục khác đều không có sai sót trọng yếu. Ý kiến của KTV là:
- a. Ý kiến chấp nhận toàn phần
 - b. Ý kiến chấp nhận từng phần
 - c. Ý kiến từ chối
 - d. Ý kiến không chấp nhận
21. Kiểm toán viên phát hành báo cáo từ chối cho ý kiến khi:
- a. Có sự vi phạm trọng yếu các chuẩn mực trình bày trong BCTC.
 - b. Có sự thay đổi về chính sách kế toán áp dụng.
 - c. Có những nghi vấn về những thông tin trọng yếu trên BCTC mà kiểm toán viên không thể kiểm tra.
 - d. Cả 3 câu trên đều đúng.
22. Thủ tục phân tích được áp dụng ở giai đoạn:
- a. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.
 - b. Giai đoạn thực hiện kế hoạch kiểm toán.
 - c. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán.
 - d. Cả 3 giai đoạn trên.
23. Ý kiến của kiểm toán viên ngoại trừ do hạn chế về phạm vi kiểm toán cần được lý giải trong:
- a. phần thuyết minh báo cáo tài chính.
 - b. báo cáo kiểm toán.
 - c. cả thuyết minh báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.
 - d. cả báo cáo tài chính (ngay sau phần đầu đề của những mục hoặc những khoản mục mà không thể được xác minh) và báo cáo kiểm toán.
24. Một công ty khách hàng đã thay đổi các thông lệ trong việc kế toán trong suốt năm, gây ảnh hưởng trọng yếu lên các báo cáo tài chính khiến chúng có những sai sót nghiêm trọng và không phù hợp với các nguyên tắc kế toán. Các kiểm toán viên kiểm tra những báo cáo tài chính này nên:
- a. đưa ra ý kiến trái ngược và các lý do
 - b. đưa ra các ý kiến với sự tôn trọng các chuẩn mực nhất quán và trong phần thuyết minh của báo cáo, giải thích những thay đổi và tác động của chúng lên thu nhập thuần.

c. Từ chối phát biểu ý kiến và từ đó đưa ra lí do

d. Đưa ra các ý kiến với sự tôn trọng chuẩn mực nhất quán, dựa vào thuyết minh báo cáo tài chính để đáp ứng các yêu cầu khai báo.

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI, GIẢI THÍCH

1. Tất cả các nhận xét của kiểm toán viên liên quan đến BCTC đều phải được ghi rõ trong thuyết minh BCTC của doanh nghiệp.
2. Việc kiểm kê tài sản cố định sẽ cung cấp bằng chứng chủ yếu về sự chính xác của giá trị tài sản cố định
3. Khi rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát cao, mức rủi ro phát hiện có thể chấp nhận đối với kiểm toán viên phải thấp.
4. Kiểm soát nội bộ hiệu quả sẽ nâng cao tính hiệu quả của một số loại bằng chứng và làm giảm số lượng bằng chứng cần thiết.
5. Bằng chứng về tài sản hữu hình được xem là xác thực khi nó được cung cấp bởi nhân viên hoặc phòng ban của đơn vị giám sát, quản lý các tài sản có liên quan.
6. Bằng chứng thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp có giá trị nếu là phỏng vấn các nhà quản lý cao cấp.
7. Các bước phân tích chỉ có tác dụng ở cuối quá trình kiểm toán để xem lại lần cuối các số liệu kiểm toán.
8. Báo cáo tài chính của khách hàng luôn có trong hồ sơ kiểm toán.
9. Thông tin trong hồ sơ kiểm toán đóng vai trò là bằng chứng quan trọng của công việc kiểm toán và kết luận cuối cùng của kiểm toán viên.
10. Bởi vì các công ty kiểm toán cần một sự trả công xứng đáng cho thời gian và công sức họ bỏ ra nên chi phí thường là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến các kiểm toán viên trong việc quyết định nên thu thập bằng chứng nào.
11. Khi công ty khách hàng bỏ đi phần thuyết minh báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải thêm phần thuyết minh trong báo cáo kiểm toán, xác nhận sự loại bỏ đó và ban hành báo cáo chấp nhận toàn phần
12. Ý kiến trái ngược là loại ý kiến được đưa ra khi mà báo cáo tài chính không được trình bày hợp lý phù hợp với các nguyên tắc kế toán thông thường được thừa nhận
13. Một sự thay đổi trong nguyên tắc kế toán từ nguyên tắc này đến nguyên tắc kế toán khác sẽ hạn chế việc công bố một ý kiến chấp nhận toàn phần, tác động của sự thay đổi này được công bố trong bản thuyết minh các báo cáo tài chính.

III. BÀI TẬP - TÌNH HUỐNG

1. Hãy cho biết các bằng chứng sau sẽ đáp ứng cho cơ sở dẫn liệu nào:

BẰNG CHỨNG	CƠ SỞ DẪN LIỆU
1. Biên bản kiểm kê tiền mặt ngày 31/12/05	a. Sự hiện hữu
2. Xác nhận số dư tiền gửi của ngân hàng	b. Quyền và nghĩa vụ
3. Hóa đơn thanh toán chi phí tiền điện thoại hàng tháng	c. Chính xác
4. Xác nhận công nợ của khách hàng	d. Đầy đủ
5. Bảng tính toán giá nguyên vật liệu mua vào bình quân trong kỳ	e. Trình bày và công bố
6. Biên bản đánh giá lại giá trị chứng khoán	f. Đánh giá
7. Biên bản kiểm kê công cụ lao động và phương tiện làm việc	g. Phát sinh
8. Thuyết minh BCTC	

2. Hãy cho biết mỗi loại tài liệu dưới đây cung cấp bằng chứng về cơ sở dẫn liệu nào và đánh giá độ tin cậy của chúng:

- a. Hồ sơ quyết toán công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành do bên thi công lập và đã được sự phê duyệt của đơn vị.

- b. Thư xác nhận của nhà cung cấp đồng ý về số dư khoản phải trả trên BCTC.
- c. Giải trình của Giám đốc về khoản dự phòng đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- d. BCTC của công ty liên doanh mà đơn vị có góp vốn. BCTC này đã được kiểm toán, trong đó có ghi rõ giá trị vốn góp của đơn vị.

3. Dưới đây là một số thủ tục kiểm toán được KTV sử dụng:

- a. Nhân tỷ lệ hoa hồng với doanh thu và đem so sánh kết quả với chi phí hoa hồng trong kỳ
- b. Gửi thư yêu cầu xác nhận các khoản phải trả cuối kỳ
- c. Lấy mẫu đơn đặt hàng để kiểm tra việc xét duyệt và phê chuẩn mua hàng
- d. Xem xét tình hình doanh thu qua các tháng để phát hiện những tháng có doanh thu cao hay thấp bất thường.
- e. Phỏng vấn người thủ kho về việc lập đơn đặt hàng để kiểm tra những thủ tục trong quy trình mua hàng tại doanh nghiệp.

Hãy cho biết mỗi thủ tục trên thuộc loại thủ tục nào sau đây: thử nghiệm kiểm soát, thủ tục phân tích, thử nghiệm chi tiết. Đối với thử nghiệm chi tiết, hãy cho biết chúng đáp ứng cho mục tiêu kiểm toán (cơ sở dẫn liệu) nào?

4. Cho biết các loại rủi ro tương ứng với các trường hợp sau:

- a. Doanh nghiệp đã không phát hiện kịp thời gian lận của các nhân viên bán hàng trong việc khai khống doanh thu nhằm hưởng một mức hoa hồng cao hơn
- b. Kiểm toán viên đã tiến hành gửi thư xác nhận đến 20% khách hàng có số dư công nợ lớn nhất nhưng vẫn tồn tại sai sót trọng yếu trên khoản mục này
- c. Các khoản mục được xác định trên các ước tính hợp lý thay vì các chứng từ chính xác
- d. Xu hướng hội nhập WTO cùng với gia tăng cạnh tranh trong ngành sẽ làm cho doanh nghiệp đứng trước những thách thức lớn.
- e. Do thiếu nhân sự, doanh nghiệp buộc phải để các nhân viên kiêm nhiệm nhiều vị trí khác nhau.
- f. Một số khoản chi phí có số tiền lớn đã được doanh nghiệp che giấu nhưng kiểm toán viên vẫn phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- g. Số tiền lương ở cột tổng cộng đã bị tính khống lên 700 triệu đồng nhưng do không cộng dọc bảng lương nên KTV đã cho rằng khoản mục chi phí tiền lương là không có sai lệch trọng yếu.

5. Hãy cho biết trong mỗi trường hợp riêng lẻ sau, KTV độc lập sẽ cho ý kiến kiểm toán loại nào?

- a. Do hợp đồng kiểm toán được ký kết sau ngày 31/12 nên kiểm toán viên không thể tham dự kiểm kê hàng tồn kho tại doanh nghiệp
- b. Một nhà xưởng của doanh nghiệp đang bị tranh chấp bởi công ty X, kết quả vụ kiện chưa được công bố
- c. Doanh nghiệp vừa mới thay đổi hệ thống phần mềm máy tính nên việc cung cấp số liệu không được ổn định
- d. Một số hóa đơn thanh toán chi phí tiền điện hàng tháng đã bị đánh mất và kế toán viên đã thay thế bằng những bằng kê thanh toán
- e. Doanh nghiệp đã từ chối cung cấp danh sách chi tiết các khách hàng có công nợ lớn, đồng thời không cho phép kiểm toán viên tiếp cận trực tiếp với những hồ sơ này

6. Công ty Anh Đào là một công ty sản xuất gạch men tại TP.HCM. Do tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng càng thẳng, trong một vài năm trở lại đây, thị phần tiêu thụ của công ty bắt đầu suy giảm. Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của doanh thu, công ty bắt đầu thay đổi chính sách bán chịu cho khách hàng. Các khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được bán chịu nhiều hơn và cho trả chậm lâu hơn các khách hàng mua với số lượng ít. Bên cạnh đó, công ty còn khuyến khích bộ phận kinh doanh thông qua chính sách thưởng rất lớn dựa trên doanh thu bán được trong năm (tiền thưởng tăng dần theo mức doanh thu). Trong khi đó, để tiết kiệm chi phí, công ty đã cho nghỉ việc một số nhân viên kế toán lâu năm. Một số nhân viên kế toán đôi khi phải kiêm nhiệm cả việc thu và giữ tiền bán hàng từ bộ phận kinh doanh. Ngoài ra, vào những tháng cuối năm, do khối lượng công

việc lớn, công ty đã bỏ qua thủ tục gửi thư thông báo cho khách hàng hàng tháng về tình hình công nợ với công ty

Nếu bạn là KTV chính trong cuộc kiểm toán BCTC của công ty Anh Đào, những thông tin trên sẽ giúp bạn đánh giá các rủi ro như thế nào?

7. Trong quá trình kiểm toán BCTC (bao gồm Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh BCTC) tại công ty Mêkông cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2008, KTV không phát hiện ra bất kỳ sai lệch trong yếu tố nào trên BCTC, tuy nhiên có trường hợp sau:

Khi thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với tài khoản Nợ phải thu, giám đốc công ty không đồng ý cho KTV gửi thư xác nhận cho khách hàng. KTV cũng không thể thực hiện các thủ tục nghiệm thay thế để xác định tính trung thực và hợp lý của khoản mục này. KTV cũng cho rằng đây là khoản mục quan trọng trên BCTC.

Đối với tình huống trên, anh (chị) hãy cho biết KTV sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán loại nào?

8. KTV Nam đã thực hiện kiểm toán cho công ty trang trí nội thất Mai Lê 2 năm liền và năm nay tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán cho công ty này. Qua chứng kiến kiểm kê các năm trước, KTV Nam nhận thấy việc kiểm kê của công ty luôn được tiến hành rất tốt và KTV Nam không phát hiện sai sót nào về hàng tồn kho. Do đó năm nay KTV Nam không chứng kiến kiểm kê. Số dư hàng tồn kho trên BCTC là một khoản mục trọng yếu.

Anh (chị) hãy nhận xét về cách làm việc của KTV Nam.

9. Công ty X đang bị công ty Y kiện vì vi phạm bản quyền nhưng tòa án vẫn chưa xét xử. Công ty X đã công bố vấn đề này trên thuyết minh BCTC. Giả sử các khoản mục trên BCTC đều được trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Theo anh (chị) thì KTV sẽ đưa ra ý kiến nhận xét gì về BCTC của công ty X?

10. Một tháng sau ngày kết thúc năm, công ty X - một khách hàng chủ yếu của công ty A tuyên bố phá sản. Công ty X đã có một khoản nợ rất lớn 1 năm nay vẫn chưa trả cho công ty A nhưng nhà quản lý của công ty A không cho phép trích lập dự phòng.

Trong tình huống này KTV nên phát hành loại báo cáo kiểm toán nào?

11. Hãy cho biết kiểm toán viên sẽ đưa ra loại ý kiến nào trên báo cáo kiểm toán trong những tình huống độc lập sau đây và giải thích lý do. Giả sử rằng ảnh hưởng của mỗi tình huống đến BCTC đều trọng yếu và nếu không có các tình huống dưới đây thì kiểm toán viên đã có đủ cơ sở để kết luận rằng BCTC trung thực và hợp lý:

a. Đơn vị đang tranh chấp với một doanh nghiệp khác về quyền sở hữu đối với một bất động sản trị giá 520 triệu đồng. Việc xác định tài sản này có thuộc về đơn vị hay không sẽ tùy thuộc vào phán quyết của Tòa án vào niên độ sau. Nhưng đơn vị vẫn kê khai giá trị của tài sản này trên BCTC.

b. Chính sách kế toán của doanh nghiệp không rõ ràng làm sai lệch số liệu trên BCTC nhưng BGĐ không chịu điều chỉnh theo đề nghị của KTV

c. Đơn vị tính giá hàng tồn kho theo một phương pháp không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. GD không đồng ý điều chỉnh theo ý kiến của KTV.

d. Một số lượng khá lớn hàng tồn kho của đơn vị đang được bảo quản tại một công ty chuyên cho mượn kho bãi nằm ở một tỉnh miền Bắc. Đơn vị từ chối không chấp nhận cho kiểm toán viên chứng kiến kiểm kê kho.

12. Nối các thông tin cho dưới đây sao cho thích hợp

- 1/ Khi thực hiện kiểm toán nếu tính độc lập bị hạn chế
- 2/ Những bản tính lại tiền lãi tiền vay
- 3/ Khả năng lỗi thời của hàng thời trang may sẵn

4/ Sự quan tâm của Ban lãnh đạo Cty đến các nhân viên của mình

- a. Là một yếu tố thuộc về môi trường kiểm soát
- b. Là bằng chứng kiểm toán đáp ứng yêu cầu đầy đủ của cơ sở dẫn liệu cho Báo cáo tài chính
- c. Là rủi ro tiềm tàng
- d. Kiểm toán viên phải tìm cách loại bỏ sự hạn chế này hoặc nêu rõ điều này trên báo cáo kiểm toán
- e. Là bằng chứng kiểm toán đáp ứng yêu cầu chính xác của cơ sở dẫn liệu cho Báo cáo tài chính